

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2022/TLST-DS ngày 05-12-2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-DS ngày 25-5-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Anh V, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Tường N, sinh năm 1977 (tên gọi khác: Nguyễn Thị N); cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 10-8-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Giữa ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) có mối quan hệ bà con trong họ.

Ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) có vay của ông C, bà G 07 (bảy) cây vàng 97% để làm ăn. Khi vay có viết giấy mượn vàng do chính ông V viết và hẹn đến ngày 18/9/2021 sẽ trả đủ nhưng đến nay vẫn chưa trả nên ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) phải trả cho ông, bà 07 (bảy) cây vàng 97%, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương xã Nghĩa An tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 375.900.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng); không yêu cầu trả lãi.

2. Bị đơn ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là chưa đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 149, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 các Điều 26, 35, 91, 92, 96, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N phải trả cho ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G 07 (bảy) cây vàng 97%. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác của Tòa án trong thời hạn luật định nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối của mình. Đồng thời, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số vàng vay cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào “Giấy hỏi mượn vàng” ngày 18/9/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông C, bà G có cho ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) vay 07 cây vàng thường (vàng 97%). Tại giấy vay trên có nội dung ông V, bà N (N) hứa đến ngày 18/9/2021 âm lịch sẽ hoàn trả đủ. Như vậy, ông V, bà N (N) đã vi phạm thỏa thuận về việc trả nợ. Căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 thì khi đến hạn trả nợ, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà G, buộc ông V, bà N (N) trả cho ông C, bà G 07 cây vàng 97%.

[4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G 07 (bảy) cây vàng 97%, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương xã Nghĩa An tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 375.900.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng) nên ông V, bà N (N) phải chịu 18.795.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 07 cây vàng x 53.700.000 đồng x 5% đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông C, bà G.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đơn ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Phạm Anh V và bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G 07 (bảy) cây vàng 97%.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Ông Phạm Anh V, bà Nguyễn Thị Tường N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) phải chịu 18.795.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị G số tiền 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004276 ngày 30-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam